TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ** **TỈNH PHÚ THỌ** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____
Số:14 /2025/QĐST-LĐ	*Việt Trì, ngày 24 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Kim Liên

Thư ký phiên họp: Ông Vũ Đức Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên họp: Bà Dương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 15/2025/TLST-VDS ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 15/2025/QĐST-LĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2025/QĐST-LĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Trịnh Thu H, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Khu D, xã T, TP ., tỉnh Phú Thọ.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Công ty TNHH F;

Nơi cư trú: Khu Công nghiệp T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

Đại diện theo pháp luật: Ông PARK HYUNKEUN

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Lệ T, sinh năm 1984

+ Bảo hiểm xã hội tỉnh P (nay là Bảo hiểm xã hội khu vực X)

Địa chỉ trụ sở: Đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy P- Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đức T1- cán bộ

+ Chị Trịnh Thị H1, sinh năm 1995

Nơi cư trú: khu I, xã K, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

(Tại phiên họp, tất cả những người tham gia tố tụng đều có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai người yêu cầu, chị Trịnh Thu H trình bày:

Tháng 4 năm 2011, do lúc đó em gái chị Trịnh Thu H là Trịnh Thị H1 chưa đủ tuổi lao động có hỏi mượn một bộ sơ yếu lý lịch và hồ sơ xin việc mang tên chị Trịnh Thu H để đi xin việc và làm việc tại Công ty TNHH F; Địa chỉ tại Lô S, Khu Công nghiệp T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Vì kém hiểu biết nên tôi đã đồng ý cho mượn hồ sơ và để chị H1 làm các thủ tục xin việc có liên quan đến hồ sơ đó. Chị H1 làm việc tại Công ty TNHH F từ tháng 5/2011 đến tháng 11/2012 thì chị H1 đơn phương chấm dứt hợp đồng. Sau khi kí kết hợp đồng lao động vào tháng 5 năm 2011 thì chị H1 được Công ty TNHH F đóng bảo hiểm xã hội cho chị H1 vào sổ BHXH số 251101740 mang tên Trịnh Thu H từ tháng 5/2011 đến tháng 11/2012.

Trong thời gian đó, tôi đang làm việc tại Công ty TNHH Y; địa chỉ tại: KCN T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Tại đây, tôi được cấp sổ bảo hiểm xã hội số 2510010800 mang tên Trịnh Thu H từ tháng 7/2010 đến nay. Vì vậy, đã làm phát sinh 02 sổ bảo hiểm xã hội mang tên Trịnh Thu H bị trùng thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 5/2011 đến tháng 11/2012. Hai sổ trên tôi đều chưa làm thủ tục thanh toán 01 lần.

Nay chị H muốn làm thủ tục thanh toán bảo hiểm một lần thì được báo không thể làm được do bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội như đã trình bày ở trên và chị H được hướng dẫn làm đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu tại Tòa án.

Do đó, nay chị H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động mang tên Trịnh Thu H và Công ty TNHH F ký kết vào thời điểm tháng 5/2011 đến tháng 11/2012 là vô hiệu do có sự lừa đối vì thực chất người ký kết hợp đồng lao động với công ty TNHH F là chị Trịnh Thị H1 không phải chị Trịnh Thu H. Và đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động theo quy định pháp luật, thoái thu số tiền đóng trùng bảo hiểm từ tháng 5/2011 đến tháng 11/2012.

Chị H nhất trí với số tiền thoái thu do cơ quan bảo hiểm tính toán. Chị H không có ý kiến hay thắc mắc gì về số tiền. Đối với số tiền này nếu có hoàn trả lại, chị H đề nghị hoàn trả lại cho chị H1 do chị H1 là người lao động thực tế tại Công ty TNHH F thời điểm từ tháng 5/2011 đến tháng 11/2012 để đảm bảo quyền và lợi ích cho chị H1.

Về lệ phí chị H xin chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh P (nay là BHXH khu vực XVIII) do ông Vũ Xuân T2 là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Qua rà soát bảo hiểm xã hội (BHXH) trên hệ thống, chúng tôi phát hiện trường hợp bà Trịnh Thu H, sinh năm 1992 ở xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ có 02 sổ BHXH bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội, cụ thể:

Sổ số 1: 2511017440 được cấp tại Công ty TNHH F, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ có thời gian tham gia BHXH từ tháng 05/2011 đến tháng 11/2012.

Sổ số 2: 2510010800 được cấp tại Công ty TNHH Y, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ có thời gian tham gia BHXH từ tháng 04/2011 đến nay.

Tháng 05/2011, bà Trịnh Thị H1 (người mượn hồ sơ) đi làm tại Công ty TNHH F và tham gia BHXH theo mã số BHXH 2511017440. Thời điểm đó bà Trịnh Thu H đang làm việc và có tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Y theo mã số BHXH 2510010800.

Nay bà Trịnh Thu H trình bày là do thiếu hiểu biết nên đã cho bà Trịnh Thị H1 mượn hồ sơ để đi làm, cụ thể: Bà Trịnh Thị H1 đã lấy 01 bộ hồ sơ, sơ yếu lý lịch mang tên Trịnh Thu H để xin việc tại Công ty TNHH F. Trong thời gian bà Trịnh Thị H1 làm việc dưới tên Trịnh Thu H tại Công ty TNHH F thì bà Trịnh Thu H đang làm việc tại Công ty TNHH Y, vì vậy người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH F và làm việc tại Công ty TNHH F là bà Trịnh Thị H1.

Đối với việc đóng BHXH: Sau khi công ty và người lao động ký hợp đồng lao động, công ty sẽ gửi hồ sơ, danh sách người lao động đến cơ quan BHXH để làm thủ tục đóng BHXH theo quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Điều này đã dẫn đến việc bà Trịnh Thu H có 02 sổ BHXH trùng thời gian đóng BHXH tại 02 nơi làm việc khác nhau.

Quan điểm của chúng tôi về yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thu H như sau:

Để đảm bảo quyền lợi cho bà Trịnh Thu H đề nghị Tòa án tuyên quyền lợi và nghĩa vụ của các bên như sau:

Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thu H.

Đề nghị và yêu cầu cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh P: Thoái thu thời gian tham gia BHXH của mã số BHXH 2511017440, mang tên Trịnh Thu H từ tháng 05/2011 đến tháng 11/2012 tại Công ty TNHH F, với tổng số tiền là: 8.063.000 đồng (Bằng chữ: Tám triệu không trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Ngoài ra do công việc bận nên Bảo hiểm xã hội tỉnh P đề nghị được vắng mặt trong tất cả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên xét xử, phiên họp giải quyết vụ việc dân sự của Tòa án.

- Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - chị Trịnh Thị H1 trình bày:

Chị H1 nhất trí với phần trình bày của chị Trịnh Thu H về quá trình chị H1 mượn hồ sơ và sơ yếu lý lịch của chị H để ký kết hợp đồng lao động và làm việc từ tháng 05/2011 đến tháng 11/2012 với Công ty TNHH F. Vì vậy, đã làm phát

sinh 02 sổ bảo hiểm xã hội bị trùng thời gian đóng bảo hiểm đều mang tên chị Trịnh Thu H tại 02 Công ty khác nhau.

Vì vậy, đối với yêu cầu của chị H đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động mang tên Trịnh Thu H và Công ty TNHH F ký kết vào thời điểm tháng 05/2011 đến tháng 11/2012 là vô hiệu do có sự lừa đối vì thực chất người ký kết hợp đồng lao động với công ty TNHH F là chị H1 không phải chị Trịnh Thu H thì chị H1 hoàn toàn đồng ý và nhất trí với yêu cầu của chị H.

Về đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động theo quy định pháp luật, thoái thu số tiền đóng trùng bảo hiểm từ tháng 05/2011 đến tháng 11/2012 thì chị H1 đồng ý và không có ý kiến gì về việc thoái thu.

Chị H1 nhất trí với số tiền thoái thu do cơ quan bảo hiểm tính toán. Chị H1 không có ý kiến hay thắc mắc gì về số tiền. Đối với số tiền này nếu có hoàn trả lại, chị H1 đề nghị hoàn trả lại cho chị do chị là người lao động thực tế tại Công ty TNHH F

- Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH F do ông Hoàng Lê T3 là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Tháng 05/2011, Công ty TNHH F có ký hợp đồng lao động với chị Trịnh Thu H, sinh năm 1992 có ĐKKHTT Khu 4, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Sau khi ký hợp đồng, Công ty đã tiến hành đóng BHXH cho chị H theo quy định của pháp luật theo số sổ bảo hiểm số 2511017440. Đến tháng 11/2012, chị H thôi việc (đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động). Sau khi chị H làm đơn yêu cầu và được Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì thông báo Công ty đến làm việc, Công ty TNHH F mới được biết: Vào thời điểm tháng 05/2011, do chị Trịnh Thị H1 thiếu hiểu biết nên chị Trịnh Thị H1, sinh năm 1995 là em gái mượn 01 bộ hồ sơ xin việc mang tên Trịnh Thu H để đi xin việc. Cụ thể, chị H1 đã lấy 01 bộ hồ sơ xin việc mang tên Trịnh Thu H để xin vào làm việc tại Công ty TNHH F từ tháng 05/2011 đến tháng 11/2012. Trong thời gian chị Trịnh Thị H1 làm việc dưới tên chị Trịnh Thu H tại Công ty TNHH F thì chị Trịnh Thu H đang làm việc tại Công ty TNHH Y. Vì vậy người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH F và làm việc tại Công ty TNHH F là chị Trịnh Thị H1. Nay chị H làm đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động do chị Trịnh Thị H1 sử dụng bộ sơ xin việc mang tên chị Trịnh Thu H kí kết với công ty TNHH F vô hiệu do có sự lừa dối và đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ thoái thu thời gian đóng bảo hiểm trùng trong sổ bảo hiểm mang tên chị Trịnh Thu H được Công ty TNHH F đóng từ tháng 05/2011 đến tháng 11/2012.

Quan điểm của Công ty với yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Trịnh Thu H, để đảm bảo quyền lợi cho chị Trịnh Thu H và Công ty TNHH F đề nghị Tòa án:

- Tuyên bố hợp đồng lao động mang tên Trịnh Thu H, sinh năm 1992, trong sổ số BHXH 2511017440 được cấp tại Công ty TNHH F là vô hiệu do có sự lừa dối.

- Đề nghị và yêu cầu cơ quan Bảo hiểm: Thoái thu thời gian tham gia BHXH của mã số BHXH 2511017440, mang tên Trịnh Thu H từ tháng 05/2011 đến tháng 11/2012 tại Công ty TNHH F.

- Về số tiền thoái thu Công ty TNHH F nhất trí với với tổng số tiền thoái thu do BHXH tỉnh P đã tính toán và không có ý kiến thắc mắc gì về việc tính toán của BHXH.

Trường hợp số tiền thoái thu nếu có liên quan hoặc hoàn trả thì Công ty đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho Công ty TNHH F cũng như các đương sự khác.

Hiện nay hồ sơ xin việc của công nhân thời điểm năm 2007-2012 Công ty không còn lưu giữ nên không cung cấp cho Tòa án hợp đồng lao động được.

Ngoài ra, vì lý do công việc nên Công ty TNHH F đề nghị được vắng mặt trong tất các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử của Tòa án.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 401, Điều 402, Điều 149 BLTTDS; Căn cứ Điều 122, 132 Bộ luật dân sự 2005; Điều 6, Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994; Điều 15, Điều 16, Điều 49, Điều 50, Điều 51 Bộ luật lao động năm 2019; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ: Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Trịnh Thu H. Tuyên bố Hợp đồng lao động ký giữa Công ty TNHH F với chị Trịnh Thu H từ tháng 05/2011 đến tháng 11/2012 (do chị Trịnh Thị H1 ký) là vô hiệu toàn bộ. Yêu cầu Bảo hiểm xã hội khu vực XVIII thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm từ tháng 05/2011 đến tháng 11/2012 tại sổ bảo hiểm xã hội số 2511017440 với số tiền thoái thu theo sự tính toán của Bảo hiểm xã hội tỉnh P là 8.063.000 đồng, trả cho người lao động thực tế là chị Trịnh Thị H1. Về lệ phí: Chị Trịnh Thu H phải chịu lệ phí theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trịnh Thu H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì giải quyết việc dân sự tuyên bố Hợp đồng lao động mang tên Trịnh Thu H ký kết với Công ty TNHH F có địa chỉ trụ sở tại: Lô S, khu Công nghiệp T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ là vô hiệu do có sự lừa dối.

Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự, yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Trịnh Thu H là yêu cầu về lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

[1.2] Về trình tự thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Người yêu cầu là chị Trịnh Thu H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trịnh Thị H1 người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH F và đại diện theo ủy quyền của BHXH tỉnh P (Nay là BHXH Khu vực XVIII) đều đề nghị được xét xử vắng mặt và đã có lời khai thể hiện quan điểm của mình. Nên căn cứ vào Điều 367, khoản 2 Điều 369 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ việc ra giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

- Đối với yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì giải quyết việc dân sự tuyên bố Hợp đồng lao động mang tên Trịnh Thu H ký kết với Công ty F là vô hiệu do có sự lừa dối. Xét thấy: chủ sử dụng lao động là Công ty TNHH F là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân được tuyển dụng theo đúng quy định của Bộ luật lao động. Công ty TNHH F là người sử dụng lao động có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có quyền ký kết hợp đồng lao động, trong đó người lao động là chị Trịnh Thị H1 đã lấy hồ sơ của chị Trịnh Thu H để tham gia giao kết hợp đồng, không trung thực và lừa dối trong việc cung cấp thông tin và hồ sơ cá nhân cho Công ty TNHH F nên đã vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng, không đúng chủ thể tham gia ký kết hợp đồng theo quy định tại Điều 389, Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 6, Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994. Vì vậy yêu cầu của Chị Trịnh Thu H đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động mang tên Trịnh Thu H ký kết với Công ty TNHH F là vô hiệu do có sự lừa dối là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Chị Trịnh Thu H có khoảng thời gian bị đóng trùng bảo hiểm xã hội từ tháng 05/2011 đến hết tháng 12/2012 tại số sổ bảo hiểm 2511017440 cấp tại Công ty TNHH F. Việc đóng trùng bảo hiểm xã hội ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị H khi tham gia Bảo hiểm xã hội, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H về việc yêu cầu BHXH thoái thu số tiền đóng trùng bảo hiểm xã hội từ tháng 05/2011 đến hết tháng 12/2012 tại số sổ bảo hiểm 2511017440 mang tên Trịnh Thu H theo sự tính toán của Bảo hiểm xã hội tỉnh P là 8.063.000 đồng (Bằng chữ: Tám triệu không trăm

sáu mươi ba nghìn đồng) và số tiền thoái thu trả cho người lao động thực tế là chị H1 là phù hợp.

[3] Về lệ phí: Chị Trịnh Thu H phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 401, Điều 402 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 389, Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 6, Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994; Điều 50 Bộ luật lao động năm 2012; Điều 15, Điều 16, Điều 49, Điều 50; Điều 51 Bộ luật lao động năm 2019; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Trịnh Thu H.

Tuyên bố Hợp đồng lao động được ký kết giữa chị Trịnh Thu H ký kết với TNHH F là vô hiệu toàn bộ do có sự lừa dối.

Hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ: Yêu cầu bảo hiểm xã hội tỉnh P (nay là bảo hiểm xã hội khu vực XVIII) thoái thu thời gian tham gia BHXH của mã số BHXH 2511017440 mang tên Trịnh Thu H từ tháng 05/2011 đến hết tháng 12/2012 tại Công ty TNHH F, với tổng số tiền là: 8.063.000 đồng (Bằng chữ: Tám triệu không trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Bảo hiểm xã hội tỉnh P (Nay là BHXH khu vực XVIII) hoàn trả cho chị Trịnh Thị H1 số tiền thoái thu bảo hiểm là: 8.063.000 đồng (Bằng chữ: Tám triệu không trăm sáu mươi ba nghìn đồng) theo quy trình thoái thu của B.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Trịnh Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003639 ngày 26/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND thành phố Việt Trì;
- Người yêu cầu; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- CCTHADS thành phố Việt Trì;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Thị Kim Liên